ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUA MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN CHUẨN BỊ TỐT NGHIỆP

Phạm Văn Hùng*, Nguyễn Huy Hùng, Nguyễn Thị Thu Hương
Đại học Thái Nguyên

TÓM TẮT

Hoạt động đánh giá sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra là một trong những hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Đại học Thái Nguyên. Hoạt động này được tổ chức định kỳ hàng năm, bắt đầu từ năm 2013. Qua mỗi lần đánh giá, Đại học Thái Nguyên đều tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm và cải tiến hoạt động này nhằm tăng tính giá trị và độ tin cậy của kết quả đánh giá. Sau mỗi đợt đánh giá, từng đơn vị chủ quản của chương trình đào tạo được đánh giá đều có báo cáo phân tích, xử lý kết quả đánh giá để phát hiện các tồn tại trong quá trình đào tạo, từ đó lập kế hoạch cải thiện chất lượng đào tạo một cách phù hợp và hiệu quả.

Từ khóa: *đánh giá, sinh viên, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, chất lượng.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục, đào tạo dựa trên kết quả đầu ra đang là xu hướng phổ biến trong giáo dục tại Việt Nam [1]. Các hoạt động học tập, giảng dạy và kiểm tra đánh giá đều hướng đến việc đạt được và đánh giá được mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố của chương trình đào tạo [2], [3].

Tuy nhiên, để đánh giá hiệu quả đào tạo và chất lượng sinh viên ra trường theo chuẩn đầu ra hiện nay tại Việt Nam, chưa có cơ sở giáo dục hoặc hệ thống đánh giá chính thức nào của Chính phủ được công bố.

Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của hoạt động này, từ năm 2013 Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) đã triển khai hoạt động đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp đối với chuẩn đầu nhằm đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo qua cái nhìn từ bên ngoài cơ sở đào tạo, từ đó thấy được điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất các biện pháp, giải pháp nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp thông qua điều chỉnh chương trình đào tạo (CTĐT) và chuẩn đầu ra, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm cho sinh viên tốt nghiệp [4].

CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng cách tiếp cận dựa trên mô hình đảm bảo chất lượng (ĐBCL) đối với chương trình đào tạo của AUN-QA (phiên bản thứ 3). Theo mô hình này thì bên cạnh một loạt các hoạt động của cơ sở giáo dục, chúng ta cần phải thực hiện việc đối sánh kết quả đầu ra với chuẩn đầu ra (CĐR) đã công bố, từ đó phát hiện ra các điểm mạnh và điểm tồn tại của chương trình, lấy đó làm cơ sở để cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo [4].

Tham khảo quan điểm đánh giá, phương pháp đánh giá của bài thi đo lường năng lực tổng quát của sinh viên đại học Mỹ - CLA (viết tắt của từ Collegiate Learning Assessment) và AHELO (viết tắt của từ Assessment of Higher Education Learning Outcomes) - Dự án Đo lường các kết quả đầu ra của các CTĐT bậc đại học do Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế thực hiện [5], [6], ĐHTN sử dụng giải pháp thực hiện đánh giá đầu ra của CTĐT dựa trên mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng và thái độ theo ba lĩnh vực là ngoại ngữ, tin học và chuyên môn.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tổ chức đánh giá, công cụ đánh giá

Thời gian triển khai và thực hiện đánh giá từ tháng 2 đến tháng 6 hàng năm. Vào thời gian này, các cơ sở đào tạo đều thành lập Hội đồng đánh giá cho từng CTĐT, mỗi Hội đồng có từ 5 đến dưới 20 thành viên tùy theo đặc thù từng CTĐT. Mỗi hội đồng đều có các thành phần gồm: Giảng viên của cơ sở đào tạo, nhà tuyển

* *Tel: 01683410168; Email: hungpv@tnu.edu.vn*

dụng, giảng viên và chuyên gia ngoài trường. Để đảm bảo khách quan, tỷ lệ thành viên trong trường không vượt quá 50% tổng số thành viên của Hội đồng.

Hội đồng đánh giá Chuyên môn có nhiệm vụ xây dựng bộ chủ đề, đáp án và thang điểm đánh giá; trực tiếp tham gia đánh giá Chuyên môn. Các chủ đề đánh giá Chuyên môn phải mang tính tổng hợp kiểm tra được kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, thái độ của sinh viên; Mỗi chủ đề được xây dựng đều có biểu điểm cho từng năng lực đầu ra cụ thể, để sau hoạt động đánh giá có thể tổng hợp chung những chuẩn đầu ra nào đạt hoặc chưa đạt, cần có các biện pháp để nâng cao chất lượng. Các hình thức đánh giá kỹ năng của người học được tổ chức theo đặc thù của CTĐT có thể thông qua bài test, thiết kế một sản phẩm và thuyết trình trả lời trước Hội đồng đánh giá hoặc thực hành các kỹ năng nghề nghiệp, trả lời phỏng vấn. Đối với công cụ đánh giá Chuyên môn, các Hội đồng sử dụng bộ chủ đề được xây dựng và thẩm định theo hướng dẫn của ĐHTN. Các nội dung này đều bám sát chuẩn đầu ra được công bố trong các CTĐT.

ĐHTN tổ chức đánh giá năng lực Tin học và năng lực Ngoại ngữ cho toàn bộ sinh viên được chọn. Trong đó công cụ đánh giá năng lực Ngoại ngữ và Tin học được các chuyên gia, giảng viên tại các trường tham gia thiết kế, xây dựng và thẩm định, đảm bảo tính giá trị của mục tiêu đo lường. Công cụ này được sử dụng trong tất cả các đợt đánh giá. Thang đánh giá của cả ba nội dung đều là thang điểm 10.

Số lượng CTĐT và sinh viên tham gia đánh giá

Các số liệu dưới đây được lấy từ báo cáo tổng kết hoạt động đánh giá sinh viên tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra của Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục – Đại học Thái Nguyên).

Trong các năm tổ chức thực hiện hoạt động này, năm 2013 có số lượng CTĐT và sinh viên tham gia đánh giá ít nhất. Những năm tiếp theo có xu hướng đánh giá nhiều CTĐT hơn vì một số trường đăng ký đánh giá nhiều CTĐT hơn so với yêu cầu. Một trong những lý do là các trường nhận thấy hoạt động đánh giá này là thiết thực, nó là một kênh thông tin có giá trị giúp nhà trường cải thiện chất lượng giáo dục.

Bảng 1. *Số lượng CTĐT tham gia đánh giá qua các năm*

Năm	2013	2014	2015	2016	2017	**Tổng**
Số CTĐT được đánh giá	11	20	20	21	21	**93**

Bảng 2. *Số lượng sinh viên tham gia đánh giá từng năm*

Cơ sở đào tạo	**Số lượng SV tham gia đánh giá từng năm**					**Tổng**
	2013	**2014**	**2015**	**2016**	**2017**	
Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông	50	100	83	0	80	**313**
Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	48	100	100	200	158	**606**
Khoa Ngoại ngữ	50	100	99	95	55	**399**
Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	33	98	78	54	82	**345**
Trường Đại học Nông lâm	48	100	186	48	104	**486**
Trường Đại học Sư phạm	98	100	100	134	103	**535**
Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	50	97	100	49	0	**296**
Trường Đại học Y Dược	49	96	61	96	48	**350**
Trường Đại học Khoa học	89	81	100	78	93	**441**
Tổng số SV	**515**	**872**	**907**	**754**	**723**	**3771**

Xếp loại các nội dung đánh giá (biểu 1)

Kết quả đánh giá được xếp loại như sau: Dưới 5 điểm – xếp loại Không đạt; Từ 5 đến dưới 6.5 điểm – xếp loại Trung bình; Từ 6.5 điểm đến dưới 8 điểm – xếp loại Khá; Từ 8 điểm trở lên – xếp loại Giỏi.

Có 38.5% thí sinh không đạt môn Ngoại ngữ. Tỷ lệ thí sinh đạt mức Khá và Giỏi đối với môn Ngoại ngữ là 21.2%.

Có 22.6% thí sinh không đạt môn Tin học. Tỷ lệ thí sinh đạt mức Khá và Giỏi môn Tin học là 40.9%.

Tỷ lệ thí sinh không đạt về Chuyên môn là 2.9%, có 77.8% thí sinh đạt mức Khá và Giỏi về Chuyên môn.

Kết quả đánh giá qua các năm (biểu 2)

Điểm trung bình Chuyên môn có xu hướng tăng nhưng không nhiều. Điểm trung bình Tin học năm 2017 tăng so với năm 2016 nhưng không bằng năm 2015, điểm trung bình Ngoại ngữ năm 2017 có tăng so với năm 2016 nhưng vẫn nhỏ hơn của năm 2013 và 2015.

Nhìn chung, trong 3 nội dung đánh giá thì đánh giá về Chuyên môn luôn đạt được số điểm cao hơn so với 2 nội dung còn lại, Ngoại ngữ thường là nội dung nhận được đánh giá thấp nhất. Điểm Chuyên môn và Tin học có xu hướng nâng cao.

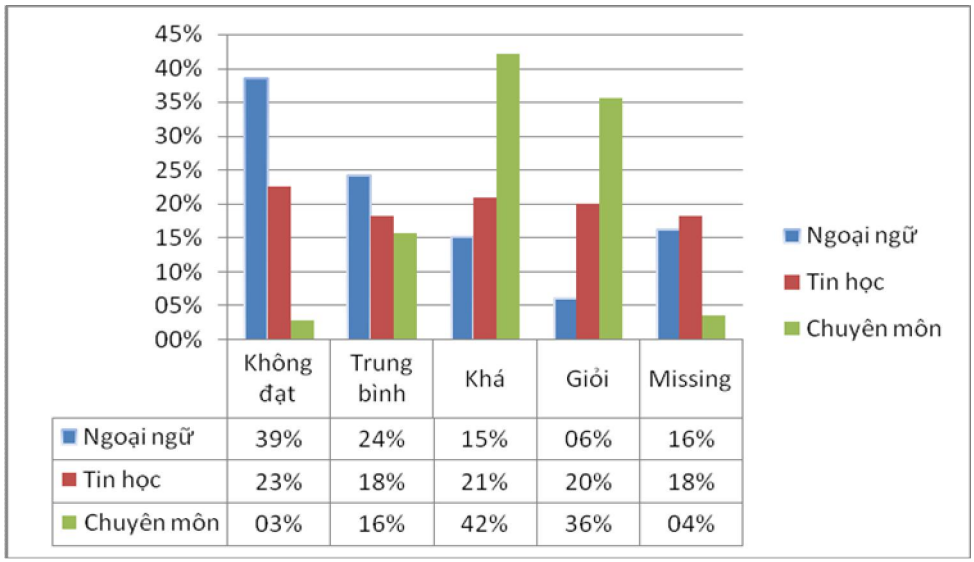

	Không đạt	Trung bình	Khá	Giỏi	Missing
Ngoại ngữ	39%	24%	15%	06%	16%
Tin học	23%	18%	21%	20%	18%
Chuyên môn	03%	16%	42%	36%	04%

Biểu 1. *Xếp loại 3 nội dung đánh giá trong 5 năm*

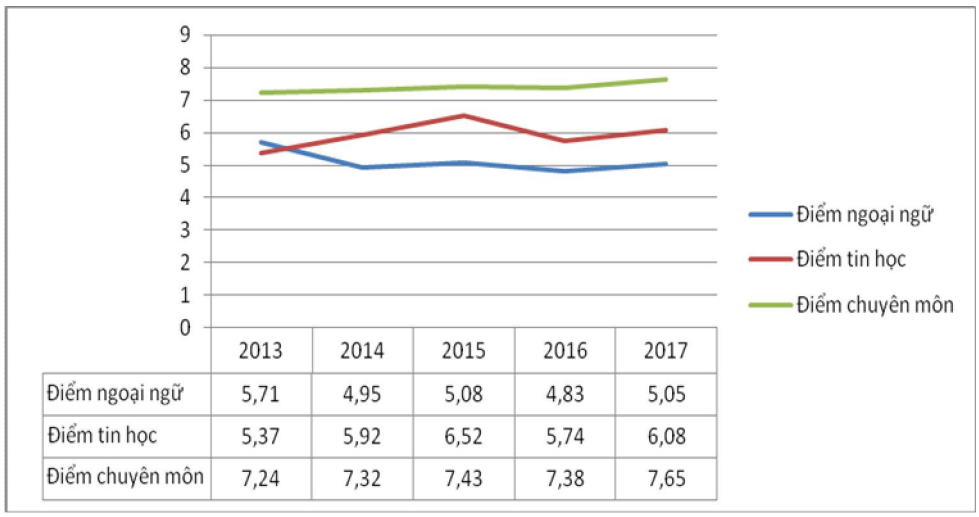

	2013	2014	2015	2016	2017
Điểm ngoại ngữ	5,71	4,95	5,08	4,83	5,05
Điểm tin học	5,37	5,92	6,52	5,74	6,08
Điểm chuyên môn	7,24	7,32	7,43	7,38	7,65

Biểu 2. *Điểm trung bình qua các năm*

MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua thực hiện đánh giá đầu ra trong 5 năm, với những thông tin từ: phân tích kết quả đánh giá, quan sát công tác tổ chức đánh giá, nhận xét của các chuyên gia bên ngoài, nhận xét của nhà tuyển dụng, ý kiến phản hồi của giảng viên, sinh viên và cán bộ quản lý về hoạt động đánh giá, chúng tôi có một số nhận xét, đánh giá chung như sau.

Hiệu quả của hoạt động đánh giá

Hoạt động đánh giá đã giúp cơ sở đào tạo, đặc biệt là khoa chuyên môn thấy rõ được những điểm mạnh và điểm yếu trong năng lực của sinh viên về các mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ. Kết quả đánh giá là một kênh tham khảo tích cực trong quá trình điều chỉnh chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục, ví dụ như trường ĐH Nông Lâm tăng thời lượng thực hành, thực tập của sinh viên, trường ĐH Sư phạm tăng thời lượng kiến tập, thực tập; tăng cường mời giảng viên các trường THPT, THCS giảng mẫu tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận, học hỏi kinh nghiệm. Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp mời các nhà tuyển dụng, các công ty đến để trao đổi về kiến thức cũng như các kỹ năng mềm đối với sinh viên, kết hợp với Đề án Ngoại ngữ 2020 thực hiện các giải pháp nâng cao trình độ Ngoại ngữ cho sinh viên,...

Ngoài ra, hoạt động đánh giá là cơ hội để sinh viên tiếp cận với nhà tuyển dụng đồng thời cũng là cơ hội để nhà tuyển dụng tiếp cận với nguồn nhân lực tương lai. Sinh viên được trao đổi và hiểu được những kiến thức, kỹ năng mà doanh nghiệp đang cần ở người lao động còn nhà tuyển dụng biết được điểm mạnh của sinh viên. Một số trường hợp, nhà tuyển dụng đã tuyển được nhân sự cho đơn vị mình như trong quá trình tham gia đánh giá tại Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, Trường ĐH Nông Lâm hay tại Trường ĐH Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

Thuận lợi

Tất cả các chuyên gia giáo dục ngoài trường đều đánh giá rất cao về hoạt động này của ĐHTN. Một số chuyên gia trao đổi, muốn ĐHTN chia sẻ kinh nghiệm triển khai để áp dụng tại cơ sở đào tạo họ đang công tác.

Hầu hết các chuyên gia giáo dục ngoài trường và nhà tuyển dụng được mời tham gia đánh giá đều rất tâm huyết, nhiệt tình và không đặt nặng vấn đề quyền lợi. Nhiều Hội đồng đánh giá làm việc vượt quá thời gian quy định vì các thành viên ngoài trường muốn chia sẻ nhiều hơn với SV, muốn đánh giá sát nhất năng lực của SV, muốn góp thêm một phần sức lực cùng với nhà trường để nâng cao chất lượng đào tạo.

Các trường đã xây dựng bộ chủ đề đánh giá Chuyên môn bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra, điều này đã giúp các trường thu thập được các thông tin có giá trị, kết quả đánh giá phản ánh được năng lực của SV so với các yêu cầu của CĐR, từ đó rút ra được những giải pháp cải thiện phù hợp.

Khó khăn

Một số ít lãnh đạo nhà trường chưa dành nhiều sự quan tâm đến hoạt động này, do đó một số khâu triển khai còn chậm hoặc chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Một số trường bố trí địa điểm đánh giá Ngoại ngữ và Tin học cách nhau quá xa chưa thuận lợi cho công tác tổ chức.

Một số sinh viên chưa thực sự ý thức được tầm quan trọng của công tác đánh giá hiện trạng sinh viên theo CĐR, dẫn đến sự thiếu trách nhiệm trong quá trình tham gia đánh giá.

Sinh viên được triệu tập đánh giá đã hoàn thiện nội dung chương trình học tập nên một số sinh viên đã trở về địa phương hoặc đã đi làm dẫn đến khó khăn trong quá trình liên lạc và triệu tập sinh viên.

Về kết quả đánh giá

Một số sinh viên quan tâm tới kiến thức là chính, thiếu kiến thức liên hệ với thực tiễn, chưa gắn kết chặt chẽ được kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tế. Khả năng biểu đạt vấn đề, thuyết trình, ứng xử của một số SV có còn lúng túng.

Nhiều chuyên gia và nhà tuyển dụng ngoài trường được mời tham gia đánh giá Chuyên môn nhiều năm cho biết chất lượng sinh viên tốt nghiệp có tiến bộ qua từng năm.

Về tổng thể, kết quả đánh giá có sự cải thiện, tuy nhiên năng lực Ngoại ngữ vẫn là năng lực có kết quả đánh giá thấp nhất.

KHUYẾN NGHỊ

Về công tác tổ chức, triển khai

Các trường cần chủ động hơn trong công tác tổ chức hoạt động đánh giá sinh viên tốt nghiệp theo CĐR nhằm đảm bảo quá trình đánh giá tạo điều kiện thuận lợi nhất cho SV.

Nhà trường cần cập nhật bộ chủ đề đánh giá Chuyên môn theo định hướng bám sát và bao phủ toàn diện các yêu cầu của chuẩn đầu ra, nhằm đảm bảo mục tiêu đo lường mức độ đáp ứng CĐR của sinh viên tốt nghiệp.

Nhà trường cần quán triệt và có biện pháp phù hợp để tăng ý thức trách nhiệm của SV trong quá trình tham gia đánh giá nhằm thu được kết quả phản ánh đúng năng lực của SV.

Về cải thiện mức độ đáp ứng của sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp đối với CĐR

Rà soát, xây dựng lại CĐR cho CTĐT. Rà soát, xây dựng đề cương chi tiết môn học và kế hoạch giảng dạy để bổ sung thêm kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên; đa dạng hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với đánh giá thường xuyên, giữa học phần và kết thúc học phần, tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều lựa chọn hơn về các phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Đầu tư phát triển chương trình, chú trọng đến xây dựng chương trình gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp; giảm tải tính hàn lâm dành thời lượng cho rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ, gắn với thực tiễn xã hội.

Gắn Ngoại ngữ và Tin học vào nội dung của các môn học khác, của các hoạt động trong nhà trường để tăng cơ hội sử dụng các kỹ năng này của SV trong quá trình học tập.

Đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường; giảng viên tăng cường hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu và rèn luyện năng lực Chuyên môn trong đó lưu ý ứng dụng công nghệ thông tin.

Nội dung đánh giá cần bao phủ đầy đủ các CĐR đã tuyên bố; công cụ đánh giá phải được xem xét kỹ lưỡng và thử nghiệm trước khi tiến hành đánh giá. Về phía các bộ môn khi xây dựng công cụ lượng giá CĐR cần thống nhất phân bố thang điểm tránh để khoảng cách quá lớn dẫn đến khó đo lường được năng lực của người học. Cần rà soát, bổ sung ngân hàng câu hỏi Ngoại ngữ và Tin học.

Tăng cường đổi mới hình thức thi, kiểm tra, đánh giá, kết hợp thi lý thuyết với thực hành, nên tăng cường thi vấn đáp, thi giảng…, qua đó rèn luyện kỹ năng tư duy, kỹ năng trình bày.

Nhà trường cần đầu tư thêm về trang thiết bị, cơ sở vật tư, máy móc thực hành, thí nghiệm, tăng thời gian thực hành nghề nghiệp để nâng cao chất lượng Chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho SV.

Gắn kết hơn nữa mối quan hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp và nhà tuyển dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ Việt Nam (2016), *Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam*, văn bản số 1982/QĐ-TTg, ban hành ngày 18/10/2016.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo*, văn bản số 2196/BGDĐT-GDĐH, ngày ban hành 22/4/2010.

3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Giáo dục đại học*, số 08/2012/QH13, ban hành ngày 18/06/2012.

4. Phạm Văn Hùng, Nguyễn Huy Hùng (2017), "Đánh giá đầu ra của chương trình đào tạo qua mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, 167(07), tr. 141-146.

5. Vũ Thị Phương Anh (2011), *Đánh giá kết quả đầu ra bậc đại học: Kinh nghiệm thế giới*, truy cập tại trang http://ncgdvn.blogspot.com/2011/11/anh-gia-ket-qua-au-ra-bac-ai-hoc-kinh.html, truy cập ngày 02/01/2018.

6. Deborah Nusche (2008), "Assessment of Learning Outcomes in Higher Education", *OECD Education Working Papers*, No 15.

SUMMARY

THAI NGUYEN UNIVERSITY'S ASSESSMENT OF PROGRAM LEARNING OUTCOMES THROUGH THE ASSESSMENT OF SENIOR STUDENTS NEAR THEIR COMPLETION OF THEIR UNDERGRADUATE DEGREE

Pham Van Hung*, Nguyen Huy Hung, Nguyen Thi Thu Huong
Thai Nguyen University

Assessment of program learning outcomes is one of the activities to improve the quality of training in Thai Nguyen University. The activity has been implemented since 2013. After each assessment period, Thai Nguyen University hold meetings to review and draw experience to improve the value and realiability of the assessment results. Each institution and faculty which has the assessed program develops a report on the weaknesses of the program and develops a suitable and effective improvement plan based on the findings.

Key words: *assessment, students, learning outcomes, program, quality.*

Ngày nhận bài: 26/12/2017; Ngày phản biện: 04/01/2018; Ngày duyệt đăng: 28/02/2018

* *Tel: 01683410168; Email: hungpv@tnu.edu.vn*

179(03)
Năm 2018
Tạp chí Khoa học và Công nghệ
Journal of Science and Technology

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content | **Page**

Nghiem Thi Ho Thu - Formation basis of Ngoc Giao's prose characteristics 3

Vu Thi Hanh - From new consiousness of gender characteristics to new women in Vietnamese novels at the beginning of 21st century 9

Pham Thi Ngoc Anh - Applications of water-wave icons on contemporary sculpture of monuments in Viet Nam 15

Phung Phuong Nga, Doan Duc Hai - Symbols in Nguyen Xuan Khanh's novels (the cases of novels *Hồ Quý Ly, Mẫu thượng ngàn,* and *Đội gạo lên chùa*) 21

Vu Thuy Hang, Doan Thi Hong Nhung - Discussion on classification of the motherworship religion 25

Pham Van Hung, Nguyen Huy Hung, Nguyen Thi Thu Huong - Thai Nguyen University's assessment of program learning outcomes through the assessment of senior students near their completion of their undergraduate degree 31

Hoang Duy Tuong - Solutions to enhance physical education efficiency for students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy – Thai Nguyen University 37

Hoang Thu Thuy, Ly Trung Thanh - Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh – who set the foundation for the special relationship between Vietnam and Laos 45

Tran Thi Lan - Applying the tectonic theory to teaching "the basic principles of the Marxism - Leninism" in universities 49

Nguyen Thanh Tu - Some solutions to enhance the quality of teaching and learning English at University of Transport Technology, Thai Nguyen Campus 55

Nguyen Thi Hoai Thu - Methods of active teaching for efficient development of Vietnamese speaking skill for foreign students at Military Technical Academy 61

Ngo Thi Lan Anh, Vo Van Tri - Necessity of educating the consciousness of ecological environment protection for youth in Long Xuyen city, An Giang province 67

Le Van Hieu - Communications projected by the model "propaganda department" in communes, wards, township and "commander" in villages, cities in Bac Ha district (Lao Cai province) 73

Tran Hoang Tinh, Tran Van Khanh, Nguyen Trung Kien - Strengthen examination and evaluation of disciplinary education activities for students at national defense and security education centers in the current phase 79

Nguyen Mai Anh, Nguyen Thi Hoang Lan - Renovation of legal education content in the bachelor's degree program in political education of Thai Nguyen University of Education to meet the requirements of the new general education curriculum 85

Do Thi Ngoc Phuong, Tran Thi Thao - Project power in the study of the English written language used by the second-year English majors at Thai Nguyen University of Education 91

Vu Dinh Bac, Ly Mai Huong, Hoang Thi Hong Hanh - Using group-work activities to improve English speaking skill for the first year English majors at Thai Nguyen University of Education 97

Nguyen Thi Hang, Le Thi Quyen, Nguyen Le Mai, Vu Thi Lenh - Organizing the experiential learning in teaching the theme "pests and disease of plants" (Technology 10 in high school) 103

Nguyen Thi Khuong - Applying the flipped classroom model in teaching citizen education subject in high school 109

Lai Thu Uyen, Vu Dinh Bac, Nguyen Thanh Long - Enhance grammar of third-year students of English major through peer check at Thai Nguyen University of Education 115

Nguyen Thi Hong Chuyen, Ha Thi Nhu Quynh - Imitation technique in improving 2nd year non-English major students' oral competence discourse at Thai Nguyen University of Education 121

Nguyen Nam Ha, Nguyen Thi Thuy - Assessment on physical condition of students at Thai Nguyen University 127

Vu Thi Thanh Thuy, Chu Van Trung, Cao Thuy Linh - Research on the current and potential developments of Thai Nguyen tourism industry 133

Tran Thi Ngoc Ha - Researching household economy model for sustainable management and use on sloping land in tea growing areas in La Bang commune, Dai Tu district, Thai Nguyen province 139

Nguyen Van Tam, Ha Thi Hoa, Bui Thi Minh Ha, Le Thi Hoa Sen, Dang Thi Huong - Impact of resource factors on livelihood diversification of tea growing households in Dai Tu district, Thai Nguyen province 143

Hoang Van Hai, Hoang Thi Thu Hang - The effects of fertilizers on rice yield in Thai Nguyen 149

Dang Thuong Hoai Linh, Ly Thu Trang - The international and Vietnamese laws on protection of well-known trademarks 155

Do Tuyet Ngan - The role of women with community based tourism development in Nghia Lo town, Yen Bai province 163

Vu Thi Thu - Assessing the agricultural land use change under the climate change context in Giao Thuy district, Nam Dinh province 169

Pham Thi Thanh Mai, Tran Le Kim, Nguyen Thi Lan - Enhancing the application of science and technology advances into tea production in Thai Nguyen city 175

Nguyen Thi Bich Hanh, Nguyen Thi Thu Thuy - Assessment of efficiency of agricultural land use in Yen Phuc commune, Van Quan district, Lang Son province 181

Dang Quynh Trinh, Tran Van Hung - Business income tax inspection for non-state enterprises in Pho Yen district, Thai Nguyen province 187